TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95 /2018/HSST
Ngày 16-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thiên Nga.

+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Nguyễn Thị Thương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thùy Dương, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 92/2018/HSST ngày 04 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 95/2018/QĐXXST- ngày 29-06-2018 đối với các bị cáo:

1. **Lê Thanh L** ; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 22-9-1990. Nơi cư trú: Tổ 5 khu 3, phường D, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lê Xuân T, con bà Nguyễn Thị X; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ 2; Vợ con: Không.

Tiền án : Ngày 27-9-2016, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản". Ngày 04-12-2017, chấp hành xong án phạt tù, chưa thi hành án dân sự.

Tiền sự : Không;

Nhân thân: Ngày 23-3-2012, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; ngày 11-6-2012, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử y án; Thi hành xong phần dân sự ngày 25-6-2012. Ngày 28-3-2013 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 16-3-2018, hiện tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. **Phạm Văn C**, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 14-01-1992; Nơi cư trú: Tổ 8, khu T, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Con

ông Phạm Văn T (đã chết) con bà Đoàn Thị N; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Vợ con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 5-3-2009, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 10-9-2009 chấp hành xong hình phạt.

+ Ngày 21-6-2012, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thi hành án phần dân sự ngày 21/6/2012. Ngày 26/4/2013, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 16-3-2018, hiện tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

3. Bị hại :

- Ông ***Vũ Văn T*** (Tên gọi khác: Không); sinh: 1961.

Địa chỉ: Tổ 8, Khu 1, phường , thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

- Ông ***Trịnh Bá Đ*** (Tên gọi khác: Không); sinh: 1965.

Địa chỉ: Tổ 7, Khu 3 , phường , thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xử vắng mặt.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh ***Đinh Văn Bình*** (Tên gọi khác: Không); sinh: 1981.

Địa chỉ: Tổ 9, Khu 3 , phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh ***Nguyễn Chí Dũng*** (Tên gọi khác: Không); sinh: 1976.

Địa chỉ: Tổ 28 , Khu 8 , phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh ***Phạm Văn Kiên*** (Tên gọi khác: Không); sinh: 1989

Địa chỉ: Tổ 8 , Khu T , phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

Những người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

5. Người làm chứng.

- Ông ***Hoàng Văn Tuyến*** (Tên gọi khác: Không); sinh: 1968

Địa chỉ: Tổ 8 , Khu 1 ,phường D, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh ***Vũ Đình Thanh*** (Tên gọi khác: Không); sinh: 1972

Địa chỉ: Tổ 8 ,Khu 1 , phường D, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh ***Nguyễn Đình Ngọc*** (Tên gọi khác: Không); sinh: 1994

Địa chỉ: Tổ 11 , Khu 2 , phường V, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 14-3-2018, Phạm Văn C và Lê Thanh L rủ nhau đi quanh khu vực phường D, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, để tìm nhà dân có trồng cây mai vàng rồi lợi dụng sơ hở vào trộm cắp mang bán lấy tiền tiêu xài. C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM Elegant, biển kiểm soát 14Y1 - 109.17 chở L phía sau. Trên đường đi, L nhớ tại nhà ông Vũ Văn T (sinh năm 1964, trú tại tổ 8 , khu 1, phường D, thành phố B) có trồng cây mai vàng nên bảo C chở đến nhà ông T. Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi đến nhà ông T, thấy nhà đóng khóa cửa, không ai trông giữ. C ở ngoài cảnh giới, L xuống xe, trèo qua tường rào vào sân nhà ông T thì thấy có trồng 02 cây mai vàng. L liền dùng hai tay nhổ 01 cây mai vàng (cao 1,79m, đường

kính thân chỗ to nhất là 8cm) rồi mang cây mai vàng này trèo qua hang rào đến chỗ C đợi sẵn. C điều khiển chở sau L ôm cây mai vàng đến nhà anh Đinh Văn B (sinh năm 1981; trú tại tổ 9, khu 3, phường T, thành phố B) bán cho anh Nguyễn Chí D (sinh năm 1976, là người làm thuê cho anh B được số tiền 700.000đ rồi cả hai mang đi ăn tiêu hết. Khoảng 23 giờ cùng ngày, cả hai lại tiếp tục rủ nhau đến nhà ông T trộm cây mai còn lại, C tiếp tục điều khiển xe mô tô trên chở L đến nhà ông T. Khi đến nhà ông T, C dừng xe và ở ngoài cảnh giới, còn L xuống xe, trèo vào lỗi cũ, nhổ cây mai vàng còn lại trong sân nhà ông T (cây mai này cao khoảng 2,5m, đường kính thân chỗ to nhất khoảng 04cm) rồi cả hai chở cây mai vàng này đến nhà anh B bán nhưng đã muộn nên cả hai chở về nhà C cất giấu.

Khoảng 18 giờ ngày 15-3-2018, L dùng chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia gắn sim số 01656.829.456 gọi điện thoại cho C có số điện thoại là 01638.683.070 (C dùng điện thoại Samsung kyle-22ND) bảo C mang cây mai cất giấu nhà C đêm hôm trước đến bán cho anh B. Khoảng 19 giờ cùng ngày, C một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 14Y1 - 109.71 chở cây mai vàng đến nhà anh B. Do thấy cây héo nên anh B không mua nhưng vẫn cho C 500.000 đồng. C nhận tiền, để lại cây gần bờ rào vườn nhà anh B rồi điều khiển xe mô tô trên tiếp tục vào nhà L rồi đón L và anh Lê Thanh T (anh trai L) đi ra trung tâm thành phố B. Trên đường đi, T có nói chuyện với L và C về việc nhà ông Trịnh Bá Đ (sinh năm 1965; trú tại tổ 7, khu 3, phường S, thành phố B) có trồng nhiều cây mai vàng. L và C nghe vậy nhưng chưa có ý định trộm cắp mai vàng nhà ông Đ. Đến khu vực Cột đồng hồ, phường T, thành phố B, T xuống xe còn L và Cđi chơi tiêu hết 500.000 đồng. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Lvà C nghĩ đến việc nhà ông Đ có trồng nhiều mai vàng lúc trước nên rủ nhau vào nhà ông Đ để trộm cắp cây mai vàng. C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 14Y1 - 109.17 chở sau L vào nhà ông Đ. Đến nơi, C dừng xe đợi và cảnh giới ở ngoài đường. L xuống xe, tiến sát lại cổng nhà ông Đ, quan sát không có người, L trèo, đứng lên tường rào và thò tay qua rào sắt B40 nhổ được 01 cây mai vàng (cao 1,5m, đường kính thân chỗ to nhất là 4,5cm). Sau đó, C điều khiển xe mô tô trên chở L phía sau ôm cây mai vàng lấy được di chuyển đến nhà anh B để bán. Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 16-3-2018, khi cả hai đi đến khu vực tổ 40B, khu 11, phường T, thành phố B thì bị lực lượng Công an phát hiện, kiểm tra và thu giữ cây mai vàng trên.

Ngày 16-3-2018, ông Trịnh Bá Đ và ông Vũ Văn T có đơn trình báo việc bị mất trộm 03 cây mai vàng nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 18, ngày 18-3-2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 cây mai vàng cao 1,5m thân cây hơi cong, đường kính thân cây chỗ to nhất là 4,5cm có giá trị là **2.800.000 đồng**; 01 cây mai vàng cao 1,79m; đường kính thân chỗ to nhất (sát gốc cây) là 8cm có giá trị là **2.700.000 đồng** và 01 cây mai vàng cao khoảng 2,5m, đường kính thân cây chỗ to nhất khoảng 04cm có giá trị **1.500.000 đồng**. Tổng trị giá 03 cây mai vàng trên là **7.000.000 đồng** (Bảy triệu đồng) .

Ngày 05-4-2018, gia đình của bị cáo L đã tự nguyện nộp 800.000 đồng tiền bồi thường cho ông T nên Cơ quan điều tra đã chuyển số tiền này cho ông T, ông T đã nhận và không yêu cầu gì khác.

Quá trình điều tra những người làm chứng là các anh Hoàng Văn T, Vũ Đình T, Nguyễn Đình N; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các anh Đinh Văn

B, Nguyễn Chí D, Phạm Văn K cũng có lời khai về toàn bộ nội dung sự việc như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 98/KSĐT-HS ngày 31-05-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Lê Thanh L và Phạm Văn C về tội "Trộm cắp tài sản " theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự .

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1 Điều 51 Điều 17; Điều 58 BLHS: đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh L từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, thời hạn tù tính từ ngày bắt 16/3/2018.

+ Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS: đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn C 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, thời hạn tù tính từ ngày bắt 16/3/2018.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 điều 106 bộ luật tố tụng hình sự:

+ Truy thu sung quĩ nhà nước số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng) các bị cáo bán 2 cây mai cảnh là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội (mỗi bị cáo phải nộp 600.000đồng).

+ Tịch thu, sung quỹ Ngân sách nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại Nokia 301 lăp sim số 01656829456; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung kyle-22ND lắp sim số 016338683070;

+ Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc sim điện thoại 01656829456, 016338683070.

Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo thừa nhận: Việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là đúng người đúng tội, không oan tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định, tài liệu, chứng cứ, của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu chứng cứ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng và các tài liệu, chứng cứ được thu thập sử dụng tại phiên tòa của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo Lê Thành L , Phạm Văn C tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và biên bản tuần tra kiểm soát, vật chứng thu giữ của các bị cáo, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng

cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ và 23 giờ ngày 14/3/2018 tại tổ 8, khu 1, phường D, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, Lê Thanh L và Phạm Văn C đã có hành vi trộm cắp 02 (hai) cây mai vàng của ông Vũ Văn T gồm: 01(một) cây mai vàng cao 1,79m, đường kính thân cây chỗ to nhất 08cm có giá trị 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng) và 01(một) cây mai vàng cao khoảng 2,5m, đường kính thân cây chỗ to nhất khoảng 04cm có giá trị là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Tiếp đó, khoảng 22 giờ ngày 15/3/2018 tại tổ 7, khu 3, phường S, thành phó B, tỉnh N, Lê Thanh L và Phạm Văn C tiếp tục có hành vi trộm cắp 01 (một) cây mai vàng cao 1,5m, đường kính thân chỗ to nhất 4,5cm của ông Trịnh Bá Đ có giá trị 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm ngàn đồng).

Tổng giá trị 03 (ba) cây mai vàng L và C trộm cắp là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Các bị cáo là những người đã trưởng thành có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố các bị cáo và lời luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về hình phạt đối với các bị cáo:

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...".*

Về nhân thân: Bị cáo Lê Thanh L và bị cáo Phạm Văn C là những người có nhân thân xấu.

Tình tiết tăng nặng: Trong 2 ngày, ngày 14 và ngày 15 tháng 3 năm 2018, các bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản , trong đó có 02 lần tài sản trộm cắp có giá trị trên 2.000.000 đồng. Vì vậy cả 2 bị cáo phải chịu tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo L đã bị kết án về tội " Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là " *Tái phạm* " quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo L đã tác động gia đình bồi thường cho ông Vũ Văn T số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo C có bố ruột là ông Phạm Văn T là người có công với cách mạng đã được tặng Huân huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì nên bị cáo được xem xét giảm nhẹ theo khoản 2 điều 51 BLHS.

Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo cần có một hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để các bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo: Các bị cáo cùng nhau thực hiện một tội phạm nhưng không có sự bàn bạc cấu kết chặt chẽ ăn chia với nhau từ trước nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo C là người khởi xướng bị cáo L trực tiếp trộm cắp các cây mai, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 1 cách tích cực mặc dù không có sự bàn bạc, lên kế hoạch một cách cụ thể, vì vậy trong vụ án này cả 2 bị cáo có vai trò ngang nhau chịu mức hình phạt như nhau xong bị cáo Long có tiền án chưa được xóa án tích nay "*tái phạm*" vì vậy hình phạt phải cao hơn bị cáo Cường.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, người phạm tội "***Trộm cắp tài sản***" còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000^{đ} (Năm triệu đồng) đến 50.000.000^{đ} (Năm mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ,không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về đối tượng mua mai và đi cùng với bị cáo L và C:

- Đối với anh Đinh Văn B và anh Nguyễn Chí D là những người đã mua 2 cây mai của các bị cáo nhưng không biết đó là tài sản trộm cắp mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Đối với Lê Thanh T là người đi cùng với các bị cáo, các bị cáo đều khai nhận T không biết các bị cáo đi trộm cắp mai vàng, quá trình xác minh T không có mặt tại địa phương nên không đủ cơ sở xử lý đối với T.

[7] Về Trách nhiệm dân sự:

- Tài sản thu hồi đã trả người bị hại, người bị hại không yêu cầu bồi thường. Tại cơ quan điều tra, trong quá trình điều tra anh B và anh D không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn) là tiền các anh đã bỏ ra mua 2 cây mai, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng) do các bị cáo bán 2 cây mai cảnh trộm cắp nhà ông T là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên truy thu sung quĩ nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

02 (hai) điện thoại di động thu của các bị cáo là công cụ phương tiện bị cáo dùng để liên lạc cho việc phạm tội nên tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước; 02 chiếc sim điện thoại không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo: Lê Thanh L ,Phạm Văn C phạm tội " ***Trộm cắp tài sản".***

2. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; các điểm s, b khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lê Thanh L** 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt là ngày 16-3-2018.

3. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn C** 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt là ngày 16-3-2018.

4. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu của bị cáo Lê Thanh L, Phạm Văn C mỗi bị cáo 600.000[đ] (Sáu trăm ngàn đồng) là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01chiếc điện thoại Nokia 301 lăp sim số 01656829456; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung kyle-22ND lắp sim số 016338683070;

- Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại số 01656829456 và số 016338683070

(Toàn bộ vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04-6-2018 giữa Công an TP. Uông Bí và Chi cục thi hành án dân sự TP Uông Bí).

5. Căn cứ: khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo **Lê Thanh L, Phạm Văn C** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Áp dụng: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết .

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND TP.Uông Bí;
- Công an TP.Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP.Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; Lưu TA

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thiên Nga